

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Mã QT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện		
1	QT-01	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương
2	QT-02	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương
An toàn vệ sinh lao động		
3	QT-03	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương
4	QT-04	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương
5	QT-05	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương
Công nghiệp địa phương		
6	QT-06	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia
7	QT-07	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực
Công nghiệp nặng		
8	QT-08	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô
9	QT-09	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô
10	QT-10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô
11	QT-11	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển
Công nghiệp tiêu dùng		
12	QT-12	Cho phép sản xuất sản phẩm thuốc lá mang nhãn hiệu nước ngoài tiêu thụ tại Việt Nam
13	QT-13	Chấp thuận hợp đồng nhượng quyền sở hữu công nghiệp sản xuất thuốc lá chỉ được thực hiện tại doanh nghiệp đã có Giấy phép sản xuất thuốc lá
14	QT-14	Chấp thuận đầu tư nước ngoài theo hình thức liên doanh sản xuất sản phẩm thuốc lá
15	QT-15	Cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá
16	QT-16	Cấp lại Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

17	QT-17	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá
Dầu khí		
18	QT-18	Phê duyệt chuyển nhượng quyền lợi tham gia, quyền và nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí; việc Tập đoàn công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam thực hiện quyền tham gia, quyền ưu tiên mua trước quyền lợi tham gia, tiếp nhận quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí
19	QT-19	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu dầu khí ký kết hợp đồng dầu khí
20	QT-20	Chấp thuận/phê duyệt gia hạn thời hạn của hợp đồng dầu khí, gia hạn thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí; giữ lại/kéo dài thời gian giữ lại diện tích phát hiện khí; mở rộng diện tích hợp đồng dầu khí, hợp nhất phát hiện dầu khí, mỏ dầu khí
21	QT-21	Nghiệm thu, phê duyệt kết quả thực hiện đề án điều tra cơ bản về dầu khí
22	QT-22	Phê duyệt kế hoạch xử lý tiếp theo đối với mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí khi hợp đồng dầu khí hết thời hạn; cơ chế điều hành hoạt động khai thác tận thu mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí
23	QT-23	Phê duyệt các tài liệu về quản lý an toàn các hoạt động khoan tìm kiếm thăm dò dầu khí, xây dựng mới hoặc hoàn cải công trình dầu khí, thu dọn công trình dầu khí
24	QT-24	Chuyển mục đích sử dụng rừng và đất của dự án phát triển mỏ dầu khí trên đất liền, dự án phát triển mỏ dầu khí có chuỗi đồng bộ các hạng mục công trình, thiết bị dầu khí trên đất liền và trên biển
25	QT-25	Phê duyệt/điều chỉnh đề cương chi tiết và dự toán chi phí đề án điều tra cơ bản về dầu khí
26	QT-26	Phê duyệt/điều chỉnh danh mục đề án điều tra cơ bản về dầu khí
27	QT-27	Chấp thuận để lại một phần hoặc toàn bộ công trình dầu khí; hoãn thu dọn một phần hoặc toàn bộ công trình dầu khí
28	QT-28	Phê duyệt/cập nhật/điều chỉnh báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí; kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí; kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí; kế hoạch phát triển mỏ dầu khí; kế hoạch thu dọn công trình dầu khí
29	QT-29	Chấp thuận chủ trương thực hiện dự án phát triển mỏ dầu khí có chuỗi đồng bộ các hạng mục công trình, thiết bị trên đất liền và trên biển
30	QT-30	Phê duyệt/điều chỉnh nội dung hợp đồng dầu khí; cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
31	QT-31	Chấp thuận các tài liệu an toàn
Dịch vụ Thương mại		
32	QT-32	Đăng ký Nhượng quyền thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam
33	QT-33	Thông báo thay đổi đăng ký Nhượng quyền thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam
Điện		

34	QT-34	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng
35	QT-35	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương
36	QT-36	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương
37	QT-37	Cấp lại Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)
38	QT-38	Cấp giấy phép hoạt động truyền tải điện
39	QT-39	Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương
40	QT-40	Phê duyệt khung giá phát điện
41	QT-41	Điều chỉnh giá dịch vụ truyền tải điện
42	QT-42	Phê duyệt giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực
43	QT-43	Phê duyệt giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện
44	QT-44	Điều chỉnh khung giá bán buôn điện
45	QT-45	Phê duyệt khung giá bán buôn điện
46	QT-46	Phê duyệt giá dịch vụ truyền tải điện
47	QT-47	Điều chỉnh giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực
48	QT-48	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương
49	QT-49	Phê duyệt chủ trương mua, bán điện với nước ngoài
Hóa chất		
50	QT-50	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp
51	QT-51	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp
52	QT-52	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp
53	QT-53	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp
54	QT-54	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất
55	QT-55	Khai báo hóa chất nhập khẩu
56	QT-56	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp
57	QT-57	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp
58	QT-58	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp
59	QT-59	Cấp lại giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp

60	QT-60	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp
61	QT-61	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp
62	QT-62	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp
63	QT-63	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp
64	QT-64	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp
Khoáng sản		
65	QT-65	Thẩm định xếp loại mỏ hầm lò theo mức độ nguy hiểm do khí mê-tan cháy, nổ gây ra thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương
66	QT-66	Kiểm tra, chấp thuận hệ thống thiết bị, phương tiện trước khi đưa vào vận hành lần đầu trong mỏ hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương
67	QT-67	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương
Lưu thông hàng hóa trong nước		
68	QT-68	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu
69	QT-69	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)
70	QT-70	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)
71	QT-71	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu
72	QT-72	Đăng ký xuất khẩu xăng dầu
73	QT-73	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu
74	QT-74	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu
75	QT-75	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu
76	QT-76	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu
77	QT-77	Đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu hàng năm
78	QT-78	Đăng ký kế hoạch sản xuất xăng dầu, nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xăng dầu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu

Năng lượng		
79	QT-79	Cấp chứng chỉ quản lý năng lượng, Kiểm toán viên năng lượng
80	QT-80	Đổi, cấp lại chứng chỉ quản lý năng lượng, kiểm toán viên năng lượng
81	QT-81	Đăng ký dán nhãn năng lượng
Phòng vệ Thương mại		
82	QT-82	Bổ sung lượng hàng hóa được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại
83	QT-83	Miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại
Quản lý bán hàng đa cấp		
84	QT-84	Sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp
85	QT-85	Thông báo thay đổi danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp
86	QT-86	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp
87	QT-87	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp
88	QT-88	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp
89	QT-89	Rút tiền ký quỹ
90	QT-90	Xử lý khoản tiền đã ký quỹ
Quản lý cạnh tranh		
91	QT-91	Thông báo tập trung kinh tế
92	QT-92	Đề nghị hưởng miễn trừ đối với thoả thuận hạn chế cạnh tranh
Sản xuất, lắp ráp ô tô		
93	QT-93	Phê duyệt Kế hoạch sản xuất phương tiện vận tải có động cơ hàng năm của Liên doanh giữa Việt Nam và Liên bang Nga
Sở giao dịch hàng hóa		
94	QT-94	Cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
95	QT-95	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa
96	QT-96	Cấp lại giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
97	QT-97	Thông báo liên thông giao dịch qua Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài
98	QT-98	Phê chuẩn Điều lệ hoạt động sửa đổi, bổ sung của Sở Giao dịch hàng hóa
99	QT-99	Thông báo hàng hóa mới niêm yết trên Sở Giao dịch hàng hóa
Thương mại điện tử		
100	QT-100	Hủy bỏ, chấm dứt đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử
101	QT-101	Đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử
102	QT-102	Sửa đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử
103	QT-103	Đăng ký lại ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

104	QT-104	Sửa đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử
105	QT-105	Đăng ký ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử
106	QT-106	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử
107	QT-107	Đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử
108	QT-108	Đăng ký lại website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử
Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm		
109	QT-109	Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
110	QT-110	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng
111	QT-111	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
Vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ		
112	QT-112	Cấp lại giấy phép dịch vụ nổ mìn trên thêm lục địa hoặc dịch vụ nổ mìn có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
113	QT-113	Đăng ký mới để đánh giá và công nhận kết quả đăng ký sản phẩm vật liệu nổ trong giai đoạn nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, sản xuất hoặc lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp
114	QT-114	Đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp
115	QT-115	Cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn trên thêm lục địa hoặc dịch vụ nổ mìn có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
116	QT-116	Cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn trên thêm lục địa hoặc dịch vụ nổ mìn có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
117	QT-117	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương
118	QT-118	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp
119	QT-119	Đăng ký bổ sung để đánh giá và công nhận kết quả đăng ký sản phẩm vật liệu nổ trong giai đoạn nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, sản xuất hoặc lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp
120	QT-120	Đăng ký mới để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp
121	QT-121	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp
122	QT-122	Cấp Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp
123	QT-123	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp
124	QT-124	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp
125	QT-125	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương

126	QT-126	Cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn tại địa phương có phạm vi hoạt động giới hạn trong địa bàn đất liền của 01 (một) tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương
127	QT-127	Cấp lại giấy phép dịch vụ nổ mìn tại địa phương có phạm vi hoạt động giới hạn trong địa bàn đất liền của 01 (một) tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương
128	QT-128	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp
129	QT-129	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương
130	QT-130	Cấp Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ
131	QT-131	Cấp lại Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ
132	QT-132	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ
133	QT-133	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ
134	QT-134	Cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn tại địa phương có phạm vi hoạt động giới hạn trong địa bàn đất liền của 01 (một) tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương
135	QT-135	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương
Xúc tiến Thương mại		
136	QT-136	Xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam
137	QT-137	Phê duyệt đề án thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại
138	QT-138	Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi nội dung đề án thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại
139	QT-139	Phê duyệt bổ sung đề án thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại
140	QT-140	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên và chương trình khuyến mại theo các hình thức khác
141	QT-141	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên và chương trình khuyến mại theo các hình thức khác
Xuất nhập khẩu		
142	QT-142	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh quy định, trừ vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt theo pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp
143	QT-143	Cấp Giấy phép hàng hóa, dịch vụ thuộc diện cấm xuất khẩu được tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài

144	QT-144	Cấp Giấy chấp thuận việc bán, tặng hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu nhưng đã được tạm xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài
145	QT-145	Cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang
146	QT-146	Cấp Mã số tân trang
147	QT-147	Gia hạn hiệu lực Mã số tân trang
148	QT-148	Sửa đổi, bổ sung thông tin của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang
149	QT-149	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương
150	QT-150	Cấp Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA
151	QT-151	Cấp Gia hạn hiệu lực Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA
152	QT-152	Sửa đổi, bổ sung thông tin của doanh nghiệp đã được cấp Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA
153	QT-153	Thu hồi Mã số tân trang theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp Mã số tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA
154	QT-154	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh
155	QT-155	Cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo
156	QT-156	Cấp lại, cấp điều chỉnh chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo
157	QT-157	Cấp Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục
158	QT-158	Cấp Giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép
159	QT-159	Cấp sửa đổi bổ sung, cấp lại theo Giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép
160	QT-160	Cấp Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài
161	QT-161	Cấp giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô
162	QT-162	Cấp đổi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô
163	QT-163	Cấp lại giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô
164	QT-164	Cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan cho Liên doanh giữa Việt Nam và Bê - la - rút
165	QT-165	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép sản xuất, gia công quân phục cho lực lượng vũ trang nước ngoài
166	QT-166	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan
167	QT-167	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)
168	QT-168	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau
169	QT-169	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập
170	QT-170	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng

171	QT-171	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực Hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa
172	QT-172	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu A
173	QT-173	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ
174	QT-174	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AHK
175	QT-175	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI
176	QT-176	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ
177	QT-177	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK
178	QT-178	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu B
179	QT-179	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9
180	QT-180	Cấp Giấy chứng nhận hàng hoá không thay đổi xuất xứ (CNM)
181	QT-181	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP
182	QT-182	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D
183	QT-183	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)
184	QT-184	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E
185	QT-185	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV
186	QT-186	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA
187	QT-187	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1
188	QT-188	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP
189	QT-189	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO
190	QT-190	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu Peru
191	QT-191	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP
192	QT-192	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu S
193	QT-193	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu Thổ Nhĩ Kỳ
194	QT-194	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC
195	QT-195	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu Venezuela
196	QT-196	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VI
197	QT-197	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ
198	QT-198	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK
199	QT-199	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU
200	QT-200	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu X
201	QT-201	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
202	QT-202	Cấp Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
203	QT-203	Cấp văn bản thông báo giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đường (thông qua phương thức đấu giá) của Bộ Công Thương cho thương nhân
204	QT-204	Cấp Giấy chứng nhận quy trình Kimberley đối với kim cương thô

205	QT-205	Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan cho Liên doanh giữa Việt Nam và Nga
206	QT-206	Thủ tục cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài
207	QT-207	Cho phép gia công hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài
208	QT-208	Cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa đối với hàng hóa là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ vào mục đích an ninh, quốc phòng của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ Việt Nam
209	QT-209	Cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa đối với hàng hóa là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ vào mục đích an ninh, quốc phòng của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt nam
210	QT-210	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
211	QT-211	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh là vật liệu nổ công nghiệp của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
212	QT-212	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
213	QT-213	Thay đổi cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
214	QT-214	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia
215	QT-215	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh
216	QT-216	Cấp giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý
217	QT-217	Cấp giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm Campuchia
218	QT-218	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
219	QT-219	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ
220	QT-220	Cấp phép quá cảnh hàng hoá của Công hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam
221	QT-221	Cấp Giấy phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng
222	QT-222	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng
223	QT-223	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa lưỡng dụng do mất, thất lạc, hư hỏng

224	QT-224	Xác nhận thực hiện Chương trình tuân thủ nội bộ
225	QT-225	Sửa đổi, bổ sung thông tin tại Quyết định xác nhận thực hiện Chương trình tuân thủ nội bộ
226	QT-226	Gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đối với hàng hóa là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ vào mục đích an ninh, quốc phòng của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt nam